

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 26 đến 31/7/2026)

1. Lưu vực sông Hồng

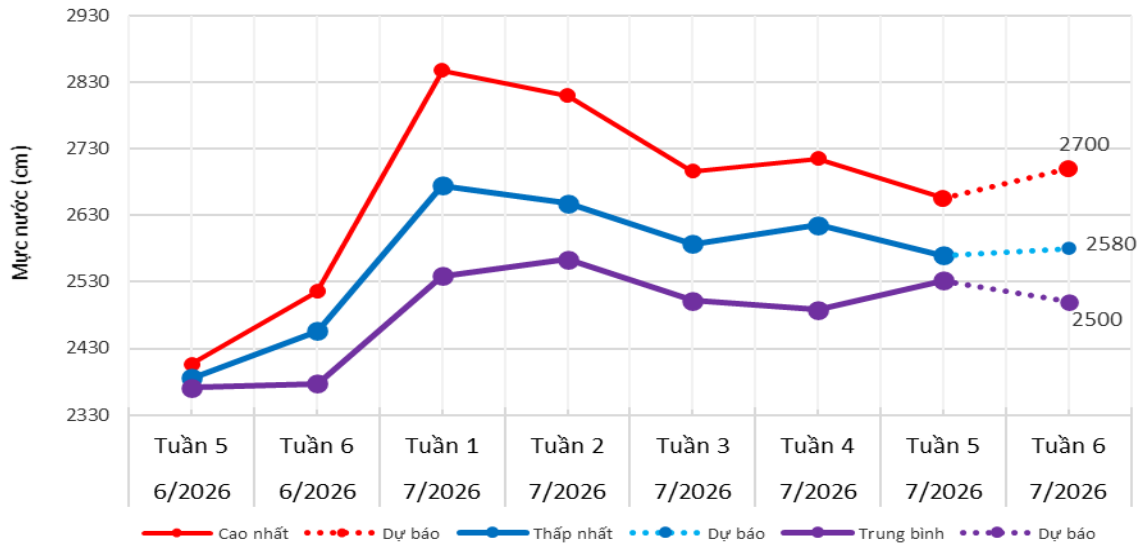
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 5 ngày qua, trên sông Thao mực nước tại trạm Yên Bái và trạm Phú Thọ xuống trong 02 ngày đầu, sau biến đổi chậm.
- Sông Lô: Trong 5 ngày qua, trên sông Lô mực nước tại trạm Tuyên Quang và trạm Vụ Quang dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết các hồ thủy điện tuyến trên
- Sông Đà: Trên sông Đà, dòng chảy đến hồ Hòa Bình chủ yếu dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên và có sự gia tăng do ảnh hưởng của mưa trên lưu vực ngày 23-24/7.
- Sông Hồng: Trong 5 ngày qua, mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên (hiện hồ Hòa Bình, hồ Tuyên Quang mở 01 cửa xả đáy) và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

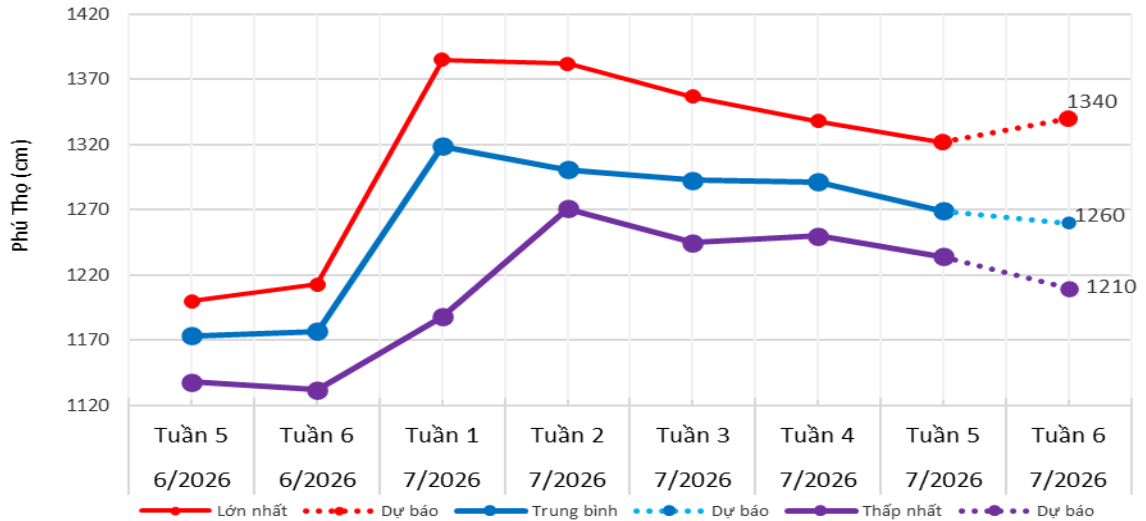
b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong 5 ngày tới, trên sông Thao mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.
- Sông Lô: Trong 5 ngày tới, trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang sẽ tiếp tục có dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Trên sông Đà, dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên và ảnh hưởng của mưa trên lưu vực.
- Sông Hồng: Trong 6 ngày tới, mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

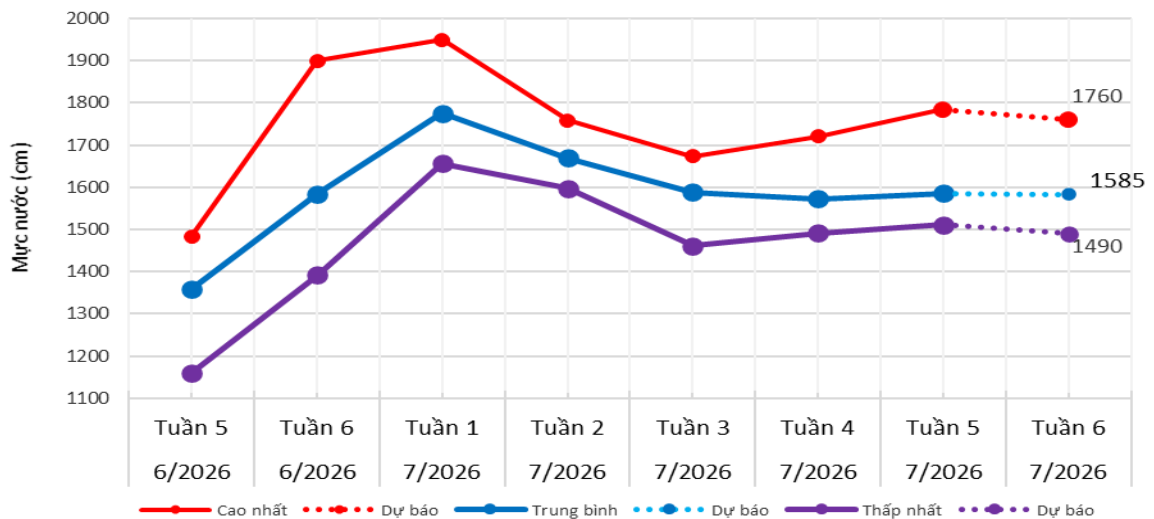
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)



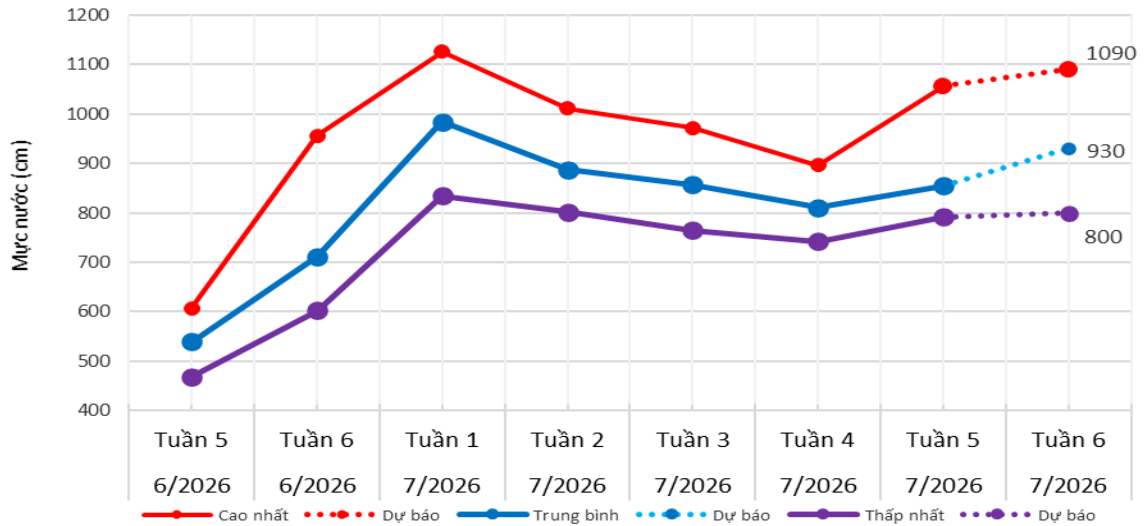
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)



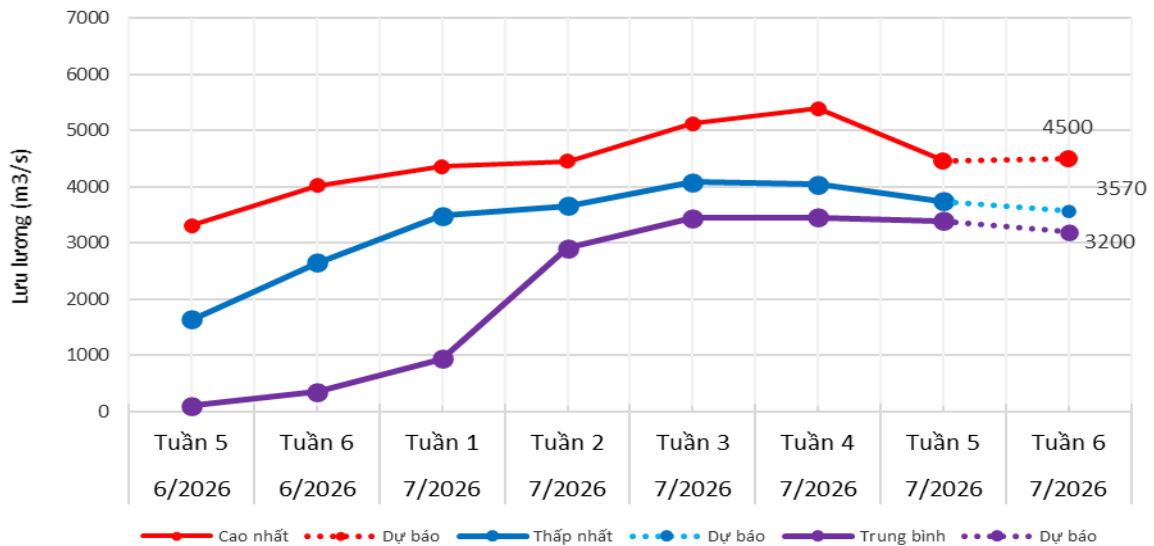
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)



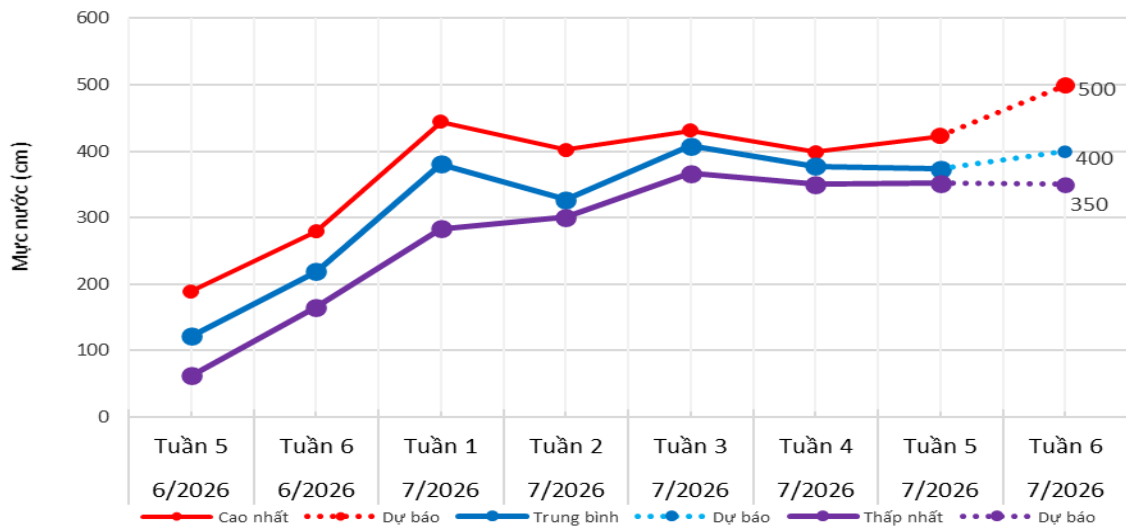
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VŨ QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNG THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)



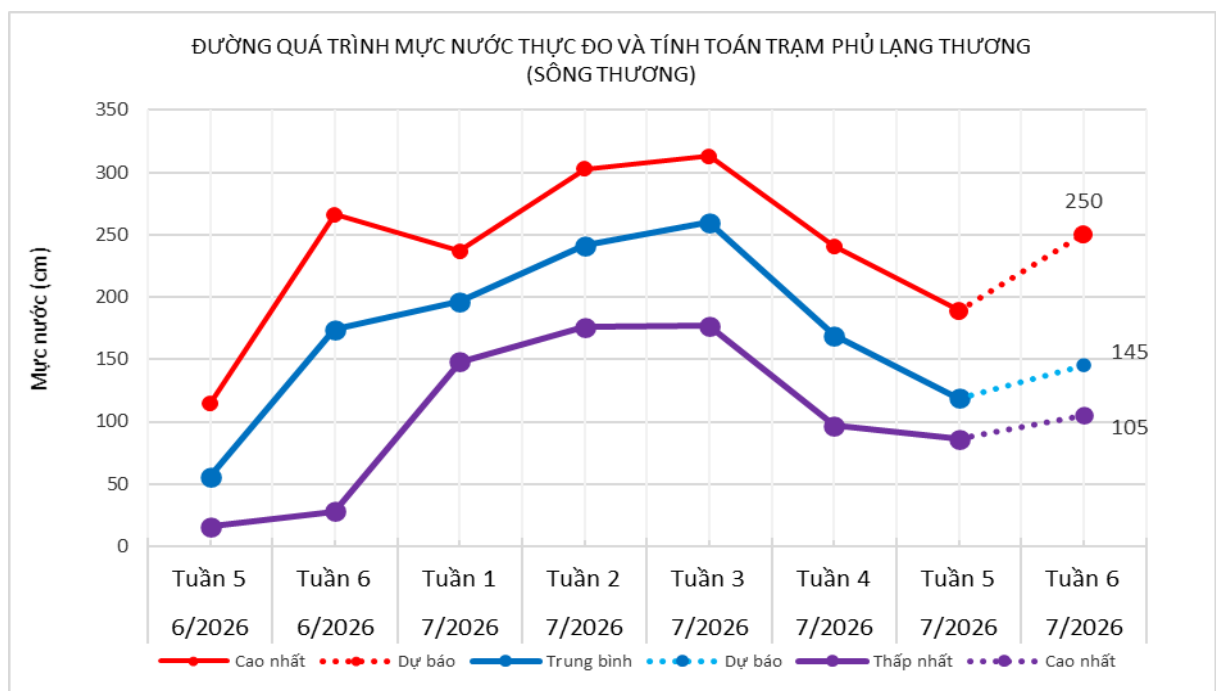
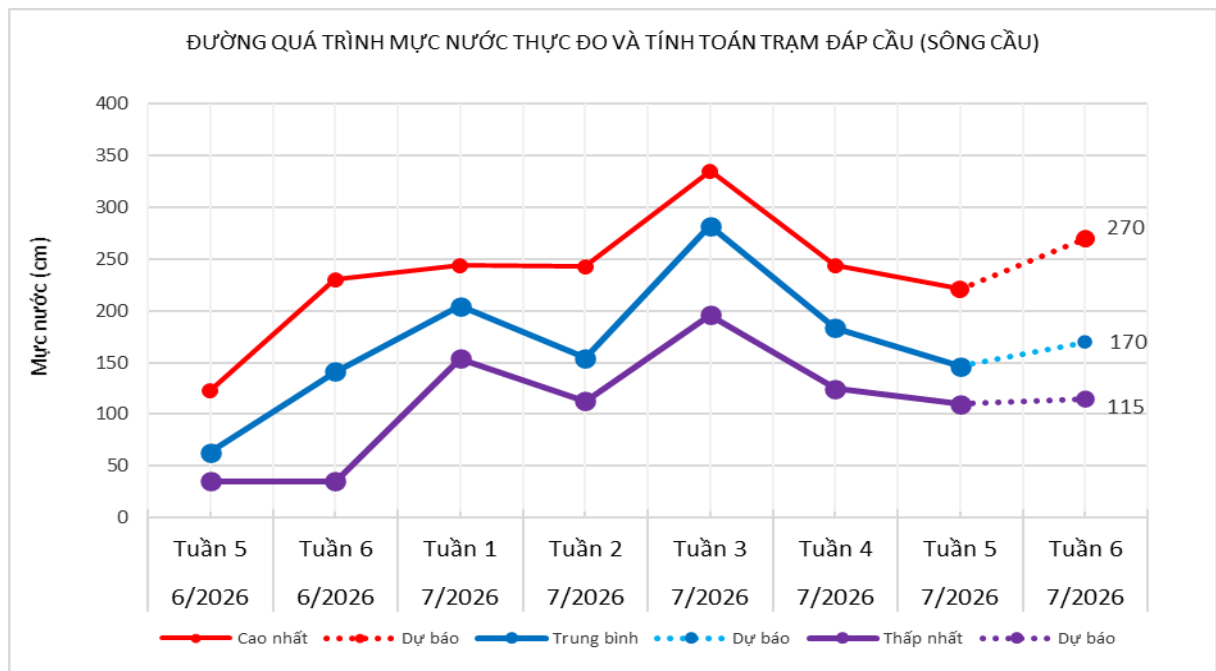
2. Lưu vực sông Thái Bình

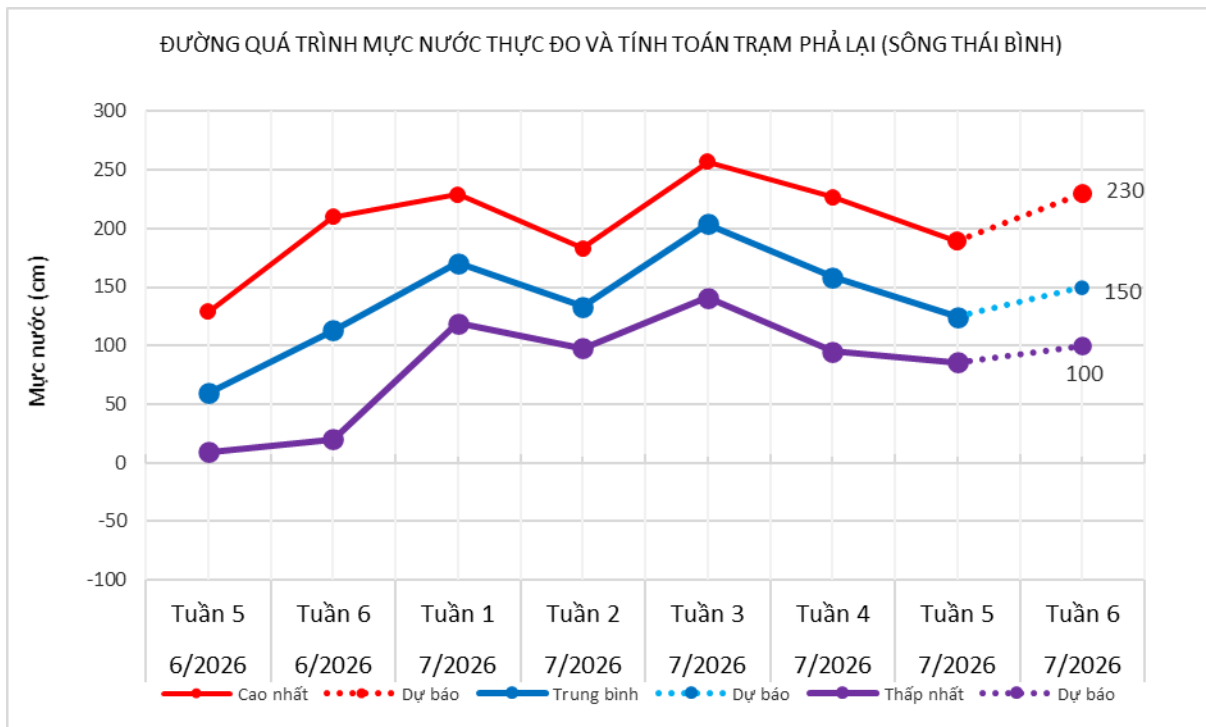
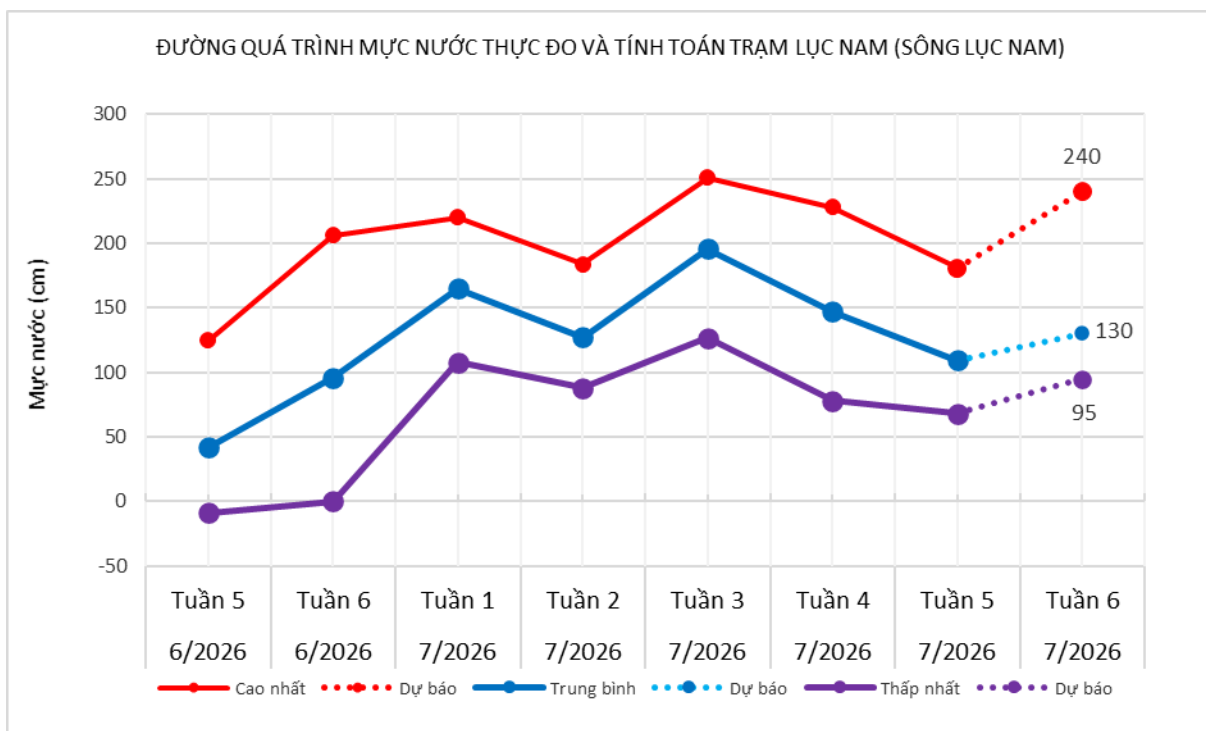
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 5 ngày qua, trên thượng lưu sông Cầu đã xuất hiện 01 đợt dao động với biên độ nước lên từ 1,0 -1,5m; thượng lưu sông Thương và sông Lục Nam biến đổi chậm. Mức nước cao nhất tại các trạm trong 5 ngày qua đều ở dưới mức BĐ1.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 05 ngày tới, mực nước các trạm ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình sẽ biến đổi chậm; mực nước tại các trạm chính khu vực hạ lưu biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.





3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

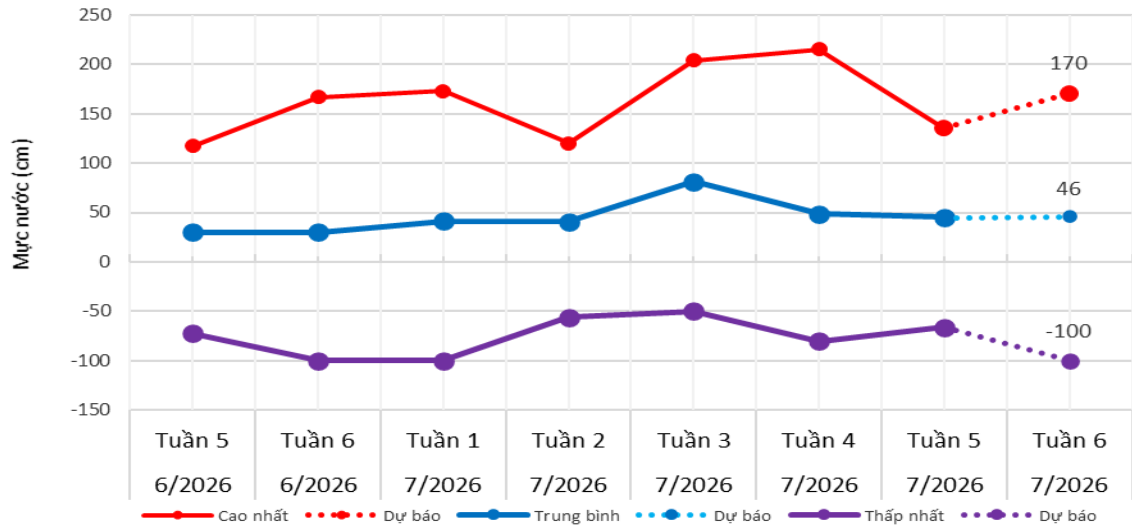
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong 5 ngày qua, mực nước thượng lưu các sông có dao động, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

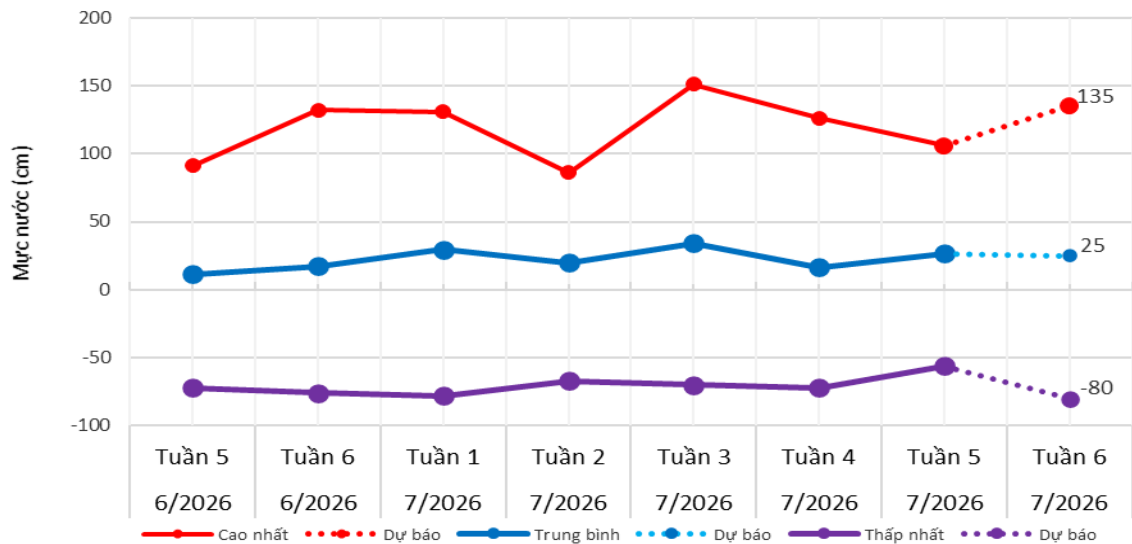
b. Dự báo, cảnh báo

Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Mực nước thượng lưu các sông có dao động, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

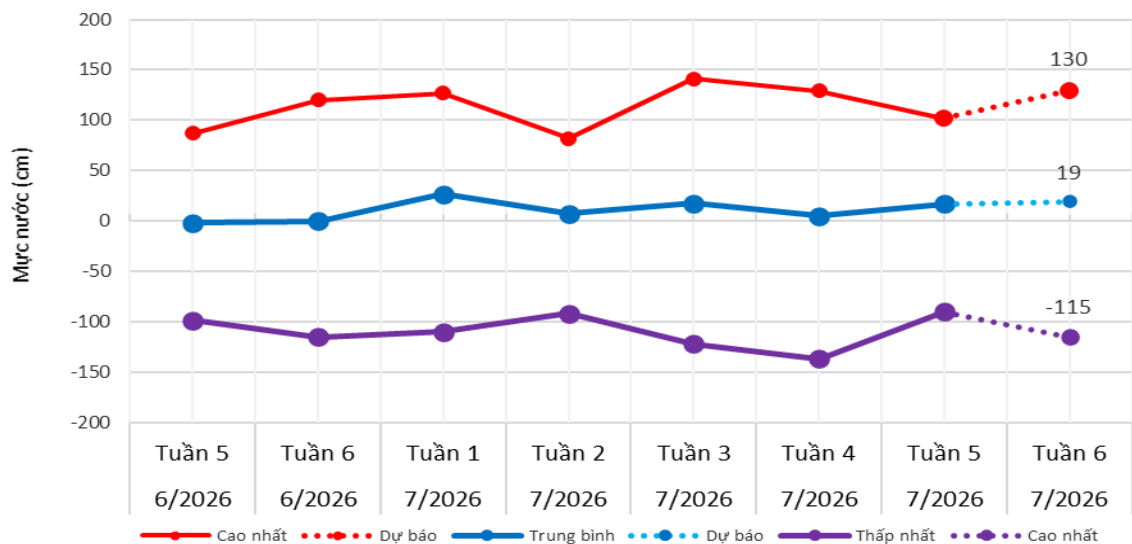
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIÀNG (SÔNG MÃ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM NAM ĐÀN (SÔNG CẢ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



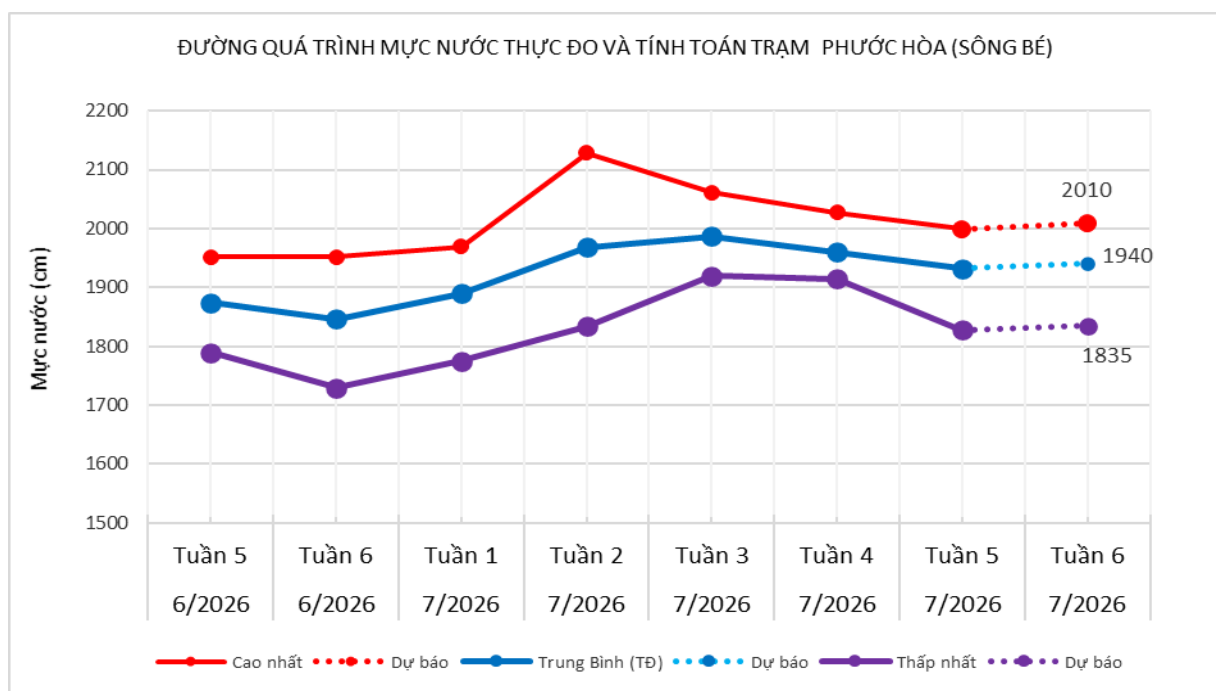
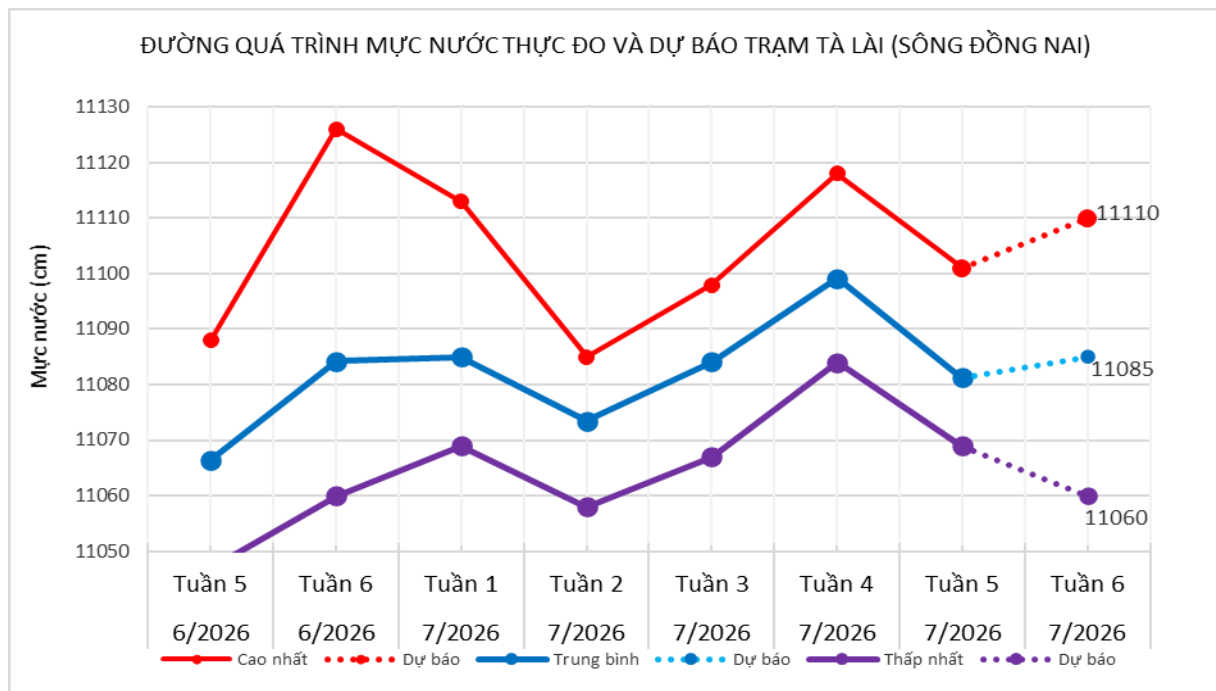
4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 05 ngày qua, mực nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài có dao động. Mực nước trên sông Bé tại trạm Phước Hoà dao động theo điều tiết hồ chứa thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài khả năng có dao động, trên sông Bé tại trạm Phước Hoà dao động theo điều tiết thủy điện thượng lưu.



5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

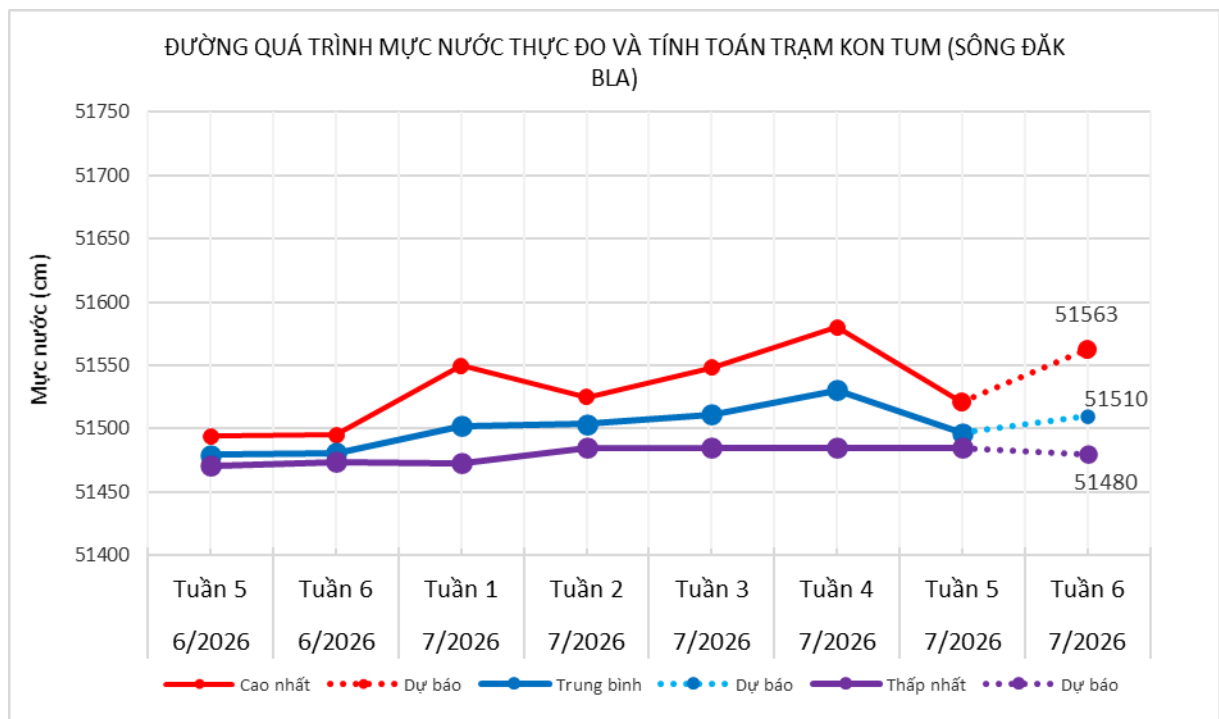
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Trong 5 ngày qua, mực nước trên sông Đăkbla dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện; sông Krông Ana mực nước biến đổi chậm.

- Sông Cửu Long: Trong 10 ngày qua, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế lên dần từ ngày 10-17/7, sau xuống theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 2,08m (ngày 17/7), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 2,17m (ngày 17/7).

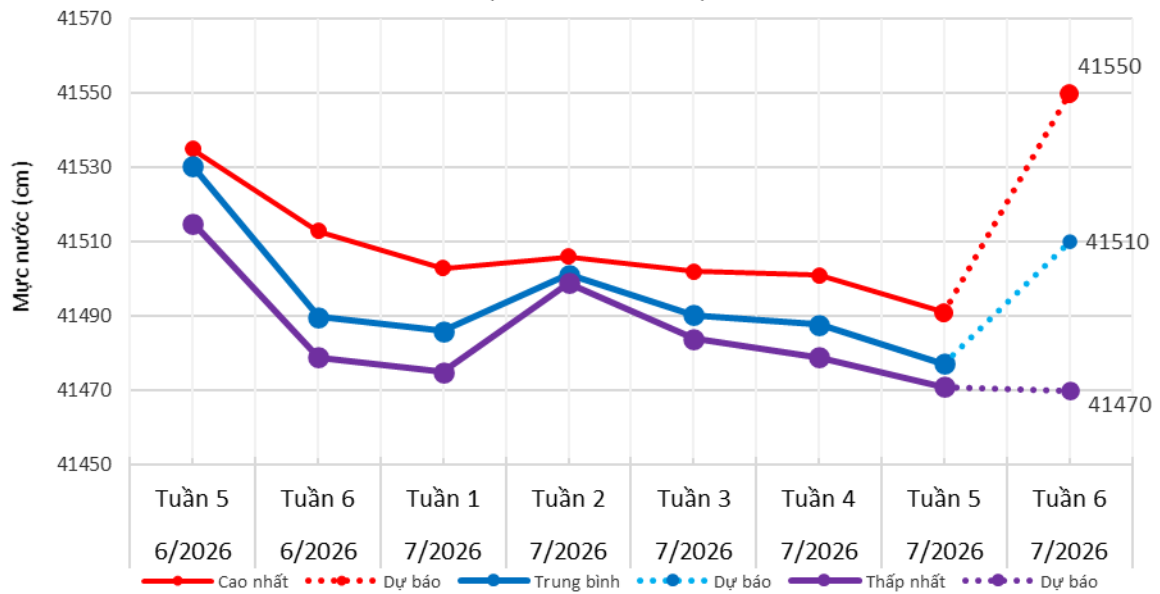
b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Trong 6 ngày tới, mực nước trên sông Đăkbla và sông Krông Ana khả năng có dao động.

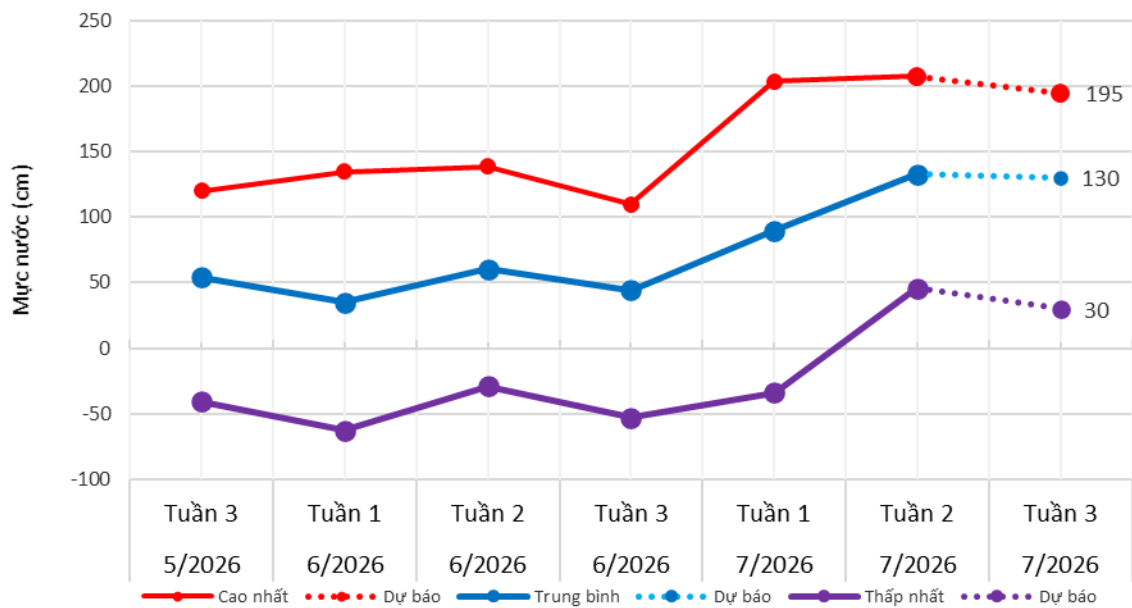
- Sông Cửu Long: Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục xuống trong 05 ngày đầu, sau biến đổi chậm theo triều trong 05 ngày tiếp theo. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 1,95m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 2,05m. Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước sông Cửu Long tiếp tục biến đổi chậm theo triều.

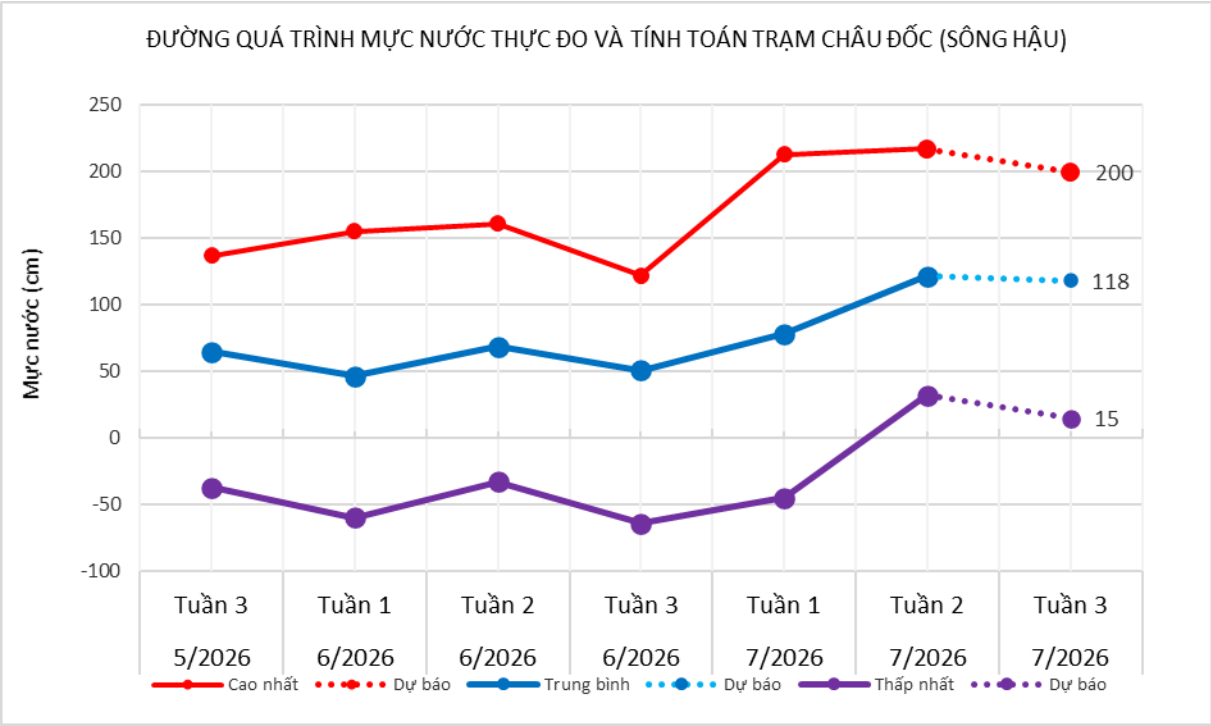


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIANG SƠN
(SÔNG KRÔNG ANA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TÂN CHÂU (SÔNG TIỀN)





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/08/2026

Tin phát lúc: 15h00

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	3770	4469	3394	3570	4500	3200
Thao	Yên Bái	2568	2656	2532	2580	2700	2500
Thao	Phú Thọ	1269	1322	1234	1260	1340	1210
Lô	Tuyên Quang	1588	1784	1511	1585	1760	1490
Lô	Vụ Quang	867	1056	792	930	1090	800
Cầu	Đáp Cầu	152	221	110	170	270	115
Thương	Phủ Lạng Thương	121	189	86	145	250	105
Lục Nam	Lục Nam	109	181	68	130	240	95
Hồng	Hà Nội	374	423	352	400	500	350
Thái Bình	Phả Lại	124	189	86	150	230	100
Mã	Giàng	45	135	-66	46	170	-100
Cả	Nam Đàn	27	106	-56	25	135	-80
La	Linh Cảm	17	102	-90	19	130	-115
Đăkbla	Kon Tum	51497	51521	51485	51510	51563	51480
Krông Ana	Giang Sơn	41477	41491	41471	41510	41550	41470
Đồng Nai	Tà Lài	11081	11101	11069	11085	11110	11060
Bé	Phước Hòa	1960	1999	1828	1940	2010	1835

Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày cuối			Đặc trưng 10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Tiền	Tân Châu	133	208	46	125	165	30	135	195	40	130	195	30
Hậu	Châu Đốc	121	217	32	115	175	15	120	200	30	118	200	15